

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HS-ST

Ngày: 25-6-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh; bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2019/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST-HS ngày 29/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/HSST-QĐ ngày 12/6/2019, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn N, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số nhà 03, ngõ 245, đường B, tổ 09, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hóa): Không biết chữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1945 và bà Doãn Thị H, sinh năm 1949; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; có 01 con sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Huy T, sinh ngày 03 tháng 12 năm 1980; nơi cư trú: thôn Q, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hoá): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn

Mạnh L (đã chết), ông L được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì và Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và con bà Hoàng Thị B, sinh năm 1949, bà B đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1983; có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Chu Thị P, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

Bà Đỗ Thị D – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình (có mặt).

- *Người chứng kiến:* Chị Chu Thị C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Chu Thị P là người khuyết tật làm nghề bán tắm dạo thuê cho bị cáo Phạm Văn N từ tháng 10/2018. Khoảng 12 giờ ngày 21/11/2018, chị P đi làm về phòng trọ tại khu nhà trọ C, địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 245, đường B, tổ 09, phường P, thành phố B thì thấy bị cáo N cùng với bị cáo Nguyễn Huy T đang ngồi ăn cơm uống rượu tại phòng trọ của chị, chị P không tham gia ăn uống cùng bị cáo N và bị cáo T. Sau khi bị cáo N và bị cáo T ăn xong, chị P về phòng mang bát đĩa ra ngoài rửa còn bị cáo N và bị cáo T nằm nghỉ trên giường của chị. Khi nằm trên giường, các bị cáo bàn bạc với nhau quan hệ tình dục với chị P, cả hai đều đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, chị P vào phòng và yêu cầu bị cáo N và bị cáo T về để chị P đi ngủ nhưng hai bị cáo không nói gì. Khi chị P đang ngồi ở mép giường thì bị cáo N ngồi dậy, quàng tay qua cổ chị P vật chị nằm ngửa ra giường, vắt chân chị lên giường, chạy ra chốt cửa phòng rồi cởi quần áo của chị P. Khi bị cởi quần áo, chị P co chân, co tay không cho bị cáo N cởi quần áo và nói với N: “*anh làm gì đấy, em chỉ đi làm với anh thôi, sao anh làm như vậy với em*”, bị cáo N và bị cáo T hiểu ý chị P nói là không đồng ý quan hệ tình

dục, bị cáo N nói: “*anh say rồi, thông cảm cho anh*”, chị P nói: “*em không thích như thế*”. Bị cáo N và bị cáo T không nói gì. Sau đó, các bị cáo tự cởi hết quần áo của mình ra, nằm ra giường, bị cáo T nằm bên phải, bị cáo N nằm bên trái chị P, cùng nhau bóp vú chị P, chị P kêu đau và gạt tay các bị cáo ra nhưng không được. Cùng lúc này, bị cáo N nói với bị cáo T; “*chơi đi, chơi mạnh vào*”, bị cáo T ngồi dậy, di chuyển về phía chân P, dùng hai tay bóp vào hai bên đùi gần bẹn chị P, dặng hai chân, quỳ gối giữa hai chân chị P đưa dương vật đã cương cứng chạm vào âm hộ chị P, dùng cơ hông và cơ lưng đẩy sâu dương vật vào âm đạo, thực hiện động tác rút ra đẩy vào. Cùng lúc này, bị cáo N ngồi lên ngực chị P, hướng dương vật về phía miệng chị P, chị P mím môi lại thì bị cáo N dùng hai tay ấn vào hai má chị P để chị P há miệng ra. Khi chị P há miệng, bị cáo N đưa dương vật vào miệng chị P, thực hiện động tác rút ra đẩy vào dương vật trong miệng. Chị P không nói được, không đủ sức để chống cự. Bị cáo T giao cấu với chị P khoảng 05 phút thì xuất tinh trong âm đạo chị P rồi rút dương vật ra, ngồi ở giường. Bị cáo N thấy vậy liền di chuyển xuống vị trí hai chân chị P, quỳ gối, chống tay xuống giường, đưa dương vật vào âm đạo chị P tiếp tục giao cấu. Khoảng 05 phút sau, bị cáo N xuất tinh vào âm đạo chị P. Lúc này, bị cáo T mặc quần áo rời khỏi phòng, bị cáo N nói với bị cáo T: “*chơi thêm nữa đi*”, bị cáo T nói: “*thế thôi*” và rời khỏi phòng, bị cáo N nằm ngủ lại trên giường của chị P.

Ngày 24/11/2018 chị Chu Thị P đến Công an thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trình báo toàn bộ vụ việc trên.

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Văn N khai do bị cáo Nguyễn Huy T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nết thực hiện hành vi. Bị cáo T khai do bị cáo N là người khởi xướng. Ngày 10/4/2019 cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất để làm rõ mâu thuẫn trên, kết quả các bị cáo giữ nguyên lời khai của mình.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 19/18/TD ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Thái Bình kết luận:

- Trên toàn bộ bên ngoài cơ thể chị P có vài vết bầm tím tại vùng vú và vùng đùi bên trái.

- Màng trinh: Vị trí 5h có vết xước 02mm không chảy máu; vị trí 9h, 3h, 8h có vết rách cũ, bờ tù hồng, không chảy máu. Lỗ màng trinh đường kính xấp xỉ 2,5cm.

- Trên tiêu bản soi không tìm thấy tinh trùng và xác tinh trùng trong dịch âm đạo.

Tại Kết luận giám định số 7146/C09(TT3) ngày 15/02/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không phát hiện thấy tinh trùng người trong mẫu dịch âm đạo ghi thu của Chu Thị P.

Cáo trạng số 97/CT-VKSTPTB ngày 10/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Văn N và bị cáo Nguyễn Huy T về tội: “Hiếp dâm” theo điểm c khoản 2 điều 141 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

1. Áp dụng điểm c khoản 2 điều 141; điểm k khoản 1 điều 52; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 điều 141; điểm k khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17; điều 38; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T từ 04 năm đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Thêm.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 587, khoản 2 điều 592 Bộ luật Dân sự:

3.1. Chấp sự thỏa thuận của gia đình bị cáo T và bị hại (chị P), gia đình bị cáo đã bồi thường 20.000.000 đồng cho chị P, chị P đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo T nên không đặt ra giải quyết.

3.2. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo N và đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bị cáo N bồi thường thiệt hại cho chị P số tiền 20.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì bên trong có chứa mẫu tóc và phần còn lại của các mẫu tế bào niêm mạc miệng ghi thu của bị cáo Phạm Văn N và bị cáo Nguyễn Huy T.

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa, người bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (cũng là người được bị hại ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Huy T và chấp nhận đề nghị của bị cáo Phạm Văn N bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ kết tội lẫn nhau, ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm lập hồi 08 giờ ngày 24/11/2018 tại trụ sở Công an thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (bút lục số 01D). Công văn số 65/CV ngày 24/11/2018 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hòa Bình về việc chuyển giao tin báo tố giác tội phạm (bút lục số 02). Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản xác định vị trí, địa điểm (bút lục số 37 đến 45). Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ (bút lục số 59 đến 63). Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 19/18/TD ngày 26/11/ 2018 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Thái Bình (bút lục số 49, 50). Kết luận giám định số 7146/C09 (TT3) ngày 15/02/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (bút lục số 68, 69). Phiếu xét nghiệm, phiếu khám sinh dục

đôi với chị Chu Thị P của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Thái Bình (bút lục số 51, 52). Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 24/11/2018 tại Công an thành phố Thái Bình đối với chị Chu Thị P (bút lục số 53). Biên bản ghi lời khai của bị hại là chị Chu Thị P (bút lục số 74 đến 91). Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến là chị Chu Thị C (bút lục số 92 đến 96). Biên bản đối chất ngày 10/4/2019 tại Công an thành phố Thái Bình (bút lục số 195 đến 198). [3] Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 21/11/2018 tại phòng trọ của chị Chu Thị P thuộc khu nhà trọ C, địa chỉ: số nhà 03, ngõ 245, đường B, tổ 09, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình; Phạm Văn N và Nguyễn Huy T có hành vi dùng vũ lực giao cấu trái ý muốn đối với chị Chu Thị P. Vì vậy, các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Huy T đã phạm tội “Hiếp dâm”, theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 141 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 141 Bộ luật hình sự tội “Hiếp dâm” quy định: *“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc bằng thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Có tổ chức; ...c) Nhiều người hiếp một người; ...”*

[4] Xét tính chất mức độ hậu quả của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và sức khỏe của bị hại. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[5] Tội phạm “Hiếp dâm” mà các bị cáo thực hiện trong vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng bàn bạc, thống nhất với nhau về việc quan hệ tình dục với chị P. Bị cáo N và bị cáo T cùng hiếp dâm chị P thuộc trường hợp “Nhiều người hiếp một người” quy định tại điểm c khoản 2 điều 141 Bộ luật hình sự. Bị cáo N là người quàng tay qua cổ chị P, vật chị P ra giường, chót cửa phòng, cởi quần áo chị P, giục bị cáo T thực hiện hành vi giao cấu với chị P và thực hiện hành vi hiếp dâm chị P, vì vậy, bị cáo N giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T sau khi tiếp nhận lời nói của bị cáo N đã cùng thực hiện hành vi hiếp dâm chị P, vì vậy, bị cáo T giữ vai trò thứ 2 trong vụ án. Do đó, bị cáo N phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

[6] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo hiếp dâm chị Chu Thị P là người khuyết tật nặng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội đối với người khuyết tật nặng” quy định tại điểm k khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T đã tích cực tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bố mẹ đẻ bị cáo là người có công với cách mạng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo nêu trên, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt tù giam, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Huy T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Gia đình bị cáo Nguyễn Huy T và chị Chu Thị P thỏa thuận: Bị cáo T bồi thường thiệt hại cho chị P 20.000.000 đồng, chị P đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm. Xét sự thỏa thuận giữa gia đình bị cáo T với chị P là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận và không đặt ra giải quyết.

[7.2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N và đại diện theo ủy quyền của bị hại thỏa thuận: Bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị P số tiền 20.000.000 đồng; xét thấy thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa mẫu tóc và phần còn lại sau giám định của các mẫu tế bào niêm mạc miệng ghi thu của Phạm Văn N và Nguyễn Huy T cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Huy T phạm tội “Hiếp dâm”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 điều 141; điểm k khoản 1 điều 52; điểm s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N **07** (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/12/2018.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 2 điều 141; điểm k khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 50; điều 58; khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T **05** (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/12/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584; 587; 590; khoản 1 điều 592 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Văn N và đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bị cáo Phạm Văn N bồi thường thiệt hại cho chị Chu Thị P, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn K, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Phạm Văn N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa mẫu tóc và phần còn lại sau giám định của các mẫu tế bào niêm mạc miệng ghi thu của Phạm Văn N và Nguyễn Huy T.

(Vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển sang chỉ cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 10/5/2019).

5. Về án phí: Áp dụng điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

5.1. Các bị cáo Phạm Văn N và Nguyễn Huy T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Bị cáo Phạm Văn N phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các bị cáo, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/6/2019. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;

- VKSND TP.Thái Bình;

- CQĐT CATP.Thái Bình;

- CQTHAHS CATP.Thái Bình;

- Bị cáo;

- Bị hại;

- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái